TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Phạm Thanh Lam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Quang Đ** – sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 1362, Ấp N.L x, xã P.X, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Tường V** – sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ z, Ấp P.M z, xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Quang Đ trình bày:

Anh Đ quen biết chị V nên có cho chị V vay số tiền 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) theo "Giấy vay tiền" ngày 01/5/2022, thời hạn đến 30/6/2022, không thỏa thuận lãi suất. Do phía chị V không trả tiền nên anh Đ khởi kiện yêu cầu chị V trả số tiền đã vay là 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, anh Đ không có yêu cầu nào khác và sự việc vay tiền không liên quan đến ai khác.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Tường V trình bày:

Chị V thừa nhận việc vay tiền của anh Đ đối với số tiền 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) theo "Giấy vay tiền" ngày 01/5/2022 và đồng ý có

trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền đã vay. Sự việc vay tiền giữa chị và anh Đ không liên quan đến ai khác. Tuy nhiên do chị bận việc đi làm nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho bị đơn. Các đương sự không có ý kiến gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Nguyễn Tường V có nơi cư trú tại xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Anh Trần Quang Đ khởi kiện yêu cầu chị V có nghĩa vụ trả số tiền đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Đ là người khởi kiện chị V nên xác định tư cách đương sự anh Đ là nguyên đơn, chị V là bị đơn. Tư cách đương sự được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Văn bản "Giấy vay tiền" ngày 01/5/2022 có thời hạn đến ngày 30/6/2022. Đến ngày 07/7/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ

luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Anh Đ khởi yêu cầu chị V có nghĩa vụ trả cho anh Đ số tiền đã vay là 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi theo văn bản "Giấy vay tiền" ngày 01/5/2022.

[2.1] "Giấy vay tiền" ngày 01/5/2022 là giao dịch dân sự do các bên anh Đ và chị V tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận toàn bộ nội dung vay tiền theo thỏa thuận đã ký kết.

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, chị V đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn anh Đ khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả số tiền gốc của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu (20.000.000đ + 65.000.000đ x 04%) = 22.600.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đ số tiền 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 357, Điều 385, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn chị Nguyễn Tường V.

Buộc chị Nguyễn Tường V có nghĩa vụ trả cho anh Trần Quang Đ số tiền nợ gốc là 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Tường V phải chịu 22.600.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đ số tiền 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002981 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng